

FROM : Nguyen Thanh Ngai

September 27th, 1993

Ap 3 Xuan Hung

Xuan Loc, Dong Nai

Viet Nam

TO : The Director of the ODP Office
US Embassy

Panjabhum Building

127 Sathorn Tai Road, Bangkok

Thailand, 10120

Subject : An earliest departure

Reference : Case of Nguyen Thanh Ngai and his family.

* IV Number 255689

* HQ-28-142

Dear the Director,

I am Nguyen Thanh Ngai, born on 25 May 1945 in Quang Tri Province (VN). Address : Ap 3 Xuan Hung, Xuan Loc, Dong Nai Province, Viet Nam.

Before 1975, I was a Major and commander of APC Squadron, former Republic of Viet Nam.

After 1975, I was a political prisoner shut up from 14 June 1975 to 23 October 1984.

On 15 September 1993 my family including 8 persons were interviewed by the US delegation but the interviewer felt through because my family was suspected forging documents. Also, the delegation requested me to find out documents made since 1975 to 1989 in order to prove the relationship between me and my family.

Therefor, I would like to present my problem as follows :

- In 1972 : The war occurred in Quang Tri where my family were living and after that came the Spring 1975. Then we had to evacuate. My house was on fire and our papers were lost.

- After 30 April 1975, I was captured and shut up in a re-education camp due to my being a major of the former Saigon Army (South of Viet Nam).

- During the time I was captured (from 14 June 1975 to 23 October 1984) my wife and my children were forced to come to a newly cultivated area in Buon Ho, Darlac province (High middle land of Viet Nam). Because of hardship and illness, in early 1980, my wife and my children escaped to Ap 3 Xuan Hung, Xuan Loc, Dong Nai province (Long Khanh) to live near my relatives. My family began to reside there without the official household registration..

Duyệt của
Đoàn Khanh tại
bộ tư chính khi phân
H5 88 có chữ bị nghi ngờ

- Until 1981, my wife and my children were officially permitted by the local communist authority to do the household registration. When doing the documents, unfortunately my wife recorded my children's date of birth into the household registration according to her wrong memory.

- In 1984, I was released from the re-education camp.

- In 1989, when the HO Program was put into effect, I wrote a letter to the local authority to ask for new birth certificate of my children and a new marriage certificate to be in compliance with what recorded in the household registration made in 1981 due to the reason that my family's household made before 1975 had been lost. Besides I did not realize that the present Government of Viet Nam may keep the documents made in the formers' regime, I did not ask them for the copies of my family's household.

- Now, according to the request of the interviewer's delegation, I have come to the Filing Department affiliated to the ministry of Internal Affairs (A.27) and have found out the old lost documents.

- Therefor, I would like to enclosed here with :

1. Officer Bibliography.
2. Marriage certificate made before 1975.
3. Birth certificate made before 1975.
4. Household registration granted in 1981.

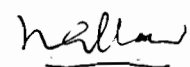
Also, I would like to rewrite as follows :

- 1) Nguyen Thanh Nghiem 22 April 1967 in replacement of 27 April 1970
- 2) Nguyen Thi Thuc Hanh 28 March 1969 in replacement of 20 March 1971
- 3) Nguyen Thanh Duc 13 March 1971 in replacement of 12 March 1972.
- 4) Nguyen Thi Thuc Nu 29 Sept. 1972 in replacement of 11 Feb. 1974
- 5) Nguyen Hoang Giang 4 July 1975
- 6) Nguyen hoang Thanh Chau 28 August 1986

I commit that the above presented is true. If there is any forgery, I will be responsible to the law. I would like you to schedule us promptly for another interview and a medical examination so that we can leave Viet Nam as soon as possible.

I am looking forward to hearing from you.

Respectfully yours'


NGUYEN THANH NGAI

2. SỐ T. 80 1762/TTM/1/VU/QT ngày 20.5.72 của Bộ TTM.

· Mẫu số

SĂC LÊNI

Ngày



Sĩ - QUAN

Họ: NGUYỄN-THANH Tên: NGAI

[illegible]

Tên : Ông NGAI
 Họ : NGUYỄN - THANH
 Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1945 tại xã DƯƠNG - LỘC
 Tổng HUYỆN (PHÚ) BƯỚC PHONG tỉnh QUẢNG TRỊ
 con Ông NGUYỄN - ƠN và bà DƯƠNG - THỊ - HÀ (r)
 ngụ tại xã --- Tổng --- Huyện (Phủ) ---
 Tỉnh --- Cưới vợ ngày 26 tháng 11 năm 1963
 Tên vợ HUYỀN - THỊ - GAI khi ấy
 ngụ tại HƯƠNG - TRÁ Tỉnh THỪA - THIÊN
 Giấy phép --- ngày ---

Chỉ rõ, nếu có, những tài-liệu về trạng-thái phu-phụ biệt-cư, biệt sản, ly-dị, goá, về một cuộc tái hôn, sự lựa chọn quốc-tịch, đổi tên (do sắc lệnh án văn ngày nào, v.v...

TƯỚNG MAO

Tóc ---; Mắt ---
 Tran ---; Mũi ---
 Mát ---; Điều chỉ-dẫn bỏ tóc về diện mạo ---
 Cao : 1 thước --- phân ; Chiều cao đo lại : 1 thước --- phân
 Dấu đặc-biệt : ---

DIỂM CHỈ KHO 6749, ngày --- tháng --- năm ---
 Chủ sự Phòng Tuyền-Binh
 TUYÊN-BINH
 Trung tá PHẠM XUAN TRIEN
 Công Trưởng-Tám Hồ Sơ Cơ-Nhân
 CÁN-SÁM
 CÁN-SÁM

TÊN HỌ	Con trai hay con gái	NGÀY SINH	NGÀY CHẾT
NGUYỄN - TH. TÙNG - TRUNG		11. 10. 64	
NGUYỄN - THANH - NG. MIEM		22. 4. 67	
NGUYỄN - TH. THỰC - HANH		28. 3. 69	
NGUYỄN - THANH - ĐỨC - C		13. 3. 71	
NGUYỄN TH. THỰC LIU		29. 9. 72	

Những kỳ đầu quân và tái đăng trước khi bỏ làm Sĩ-quan

Đầu quân ngày _____ trong hạn _____ năm kể từ ngày _____
 Tái đăng ngày _____ trong hạn _____ năm kể từ ngày _____
 Tái đăng ngày _____ trong hạn _____ năm kể từ ngày _____
 Tái đăng ngày _____ trong hạn _____ năm kể từ ngày _____

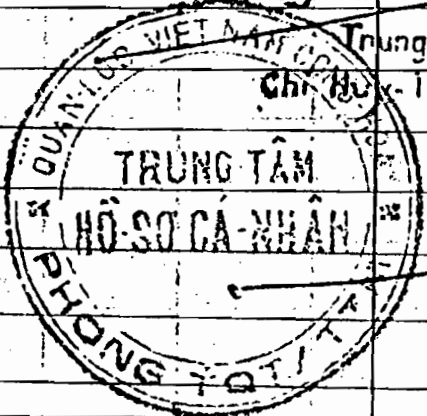
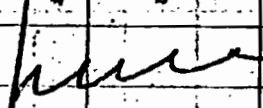
CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng, phái đoàn.. tại đó Sĩ-quan đã tổng-sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ. 1	CẤP KẾ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3	CÔNG-VỤ THỜI-HẠN		
			được kê để tính thời kỳ hữu trí		
			năm	tháng	ngày
26.10.64		Thanh niên thuộc lớp tuổi 65 được gọi nhập ngũ. Đến trình diện tại Tiểu Khu Thừa Thiên. Quân vụ kể từ ngày ghi trên.			
		Thuộc tài nguyên Sĩ Quan được theo học khóa 19/SQ/TB.			
		Đến thụ huấn phần CBAS giai đoạn I Bộ Binh tại Trường Bộ Binh Thủ Đức.			
16.4.65		Theo học khóa 14/SQ/CB/TG giai đoạn 2 phần chuyên môn do học số 393/TG/NU ngày 25.4.65.			
Chi tiết các công vụ bắt đầu nhất luật như sau : Nguyên đăng trong: _____ năm, tại _____ _____, ngày _____ Tổng ngu tại _____ kể từ ngày _____ Nhập binh đoàn ngày _____ TỔNG SỐ CHUYỂN SANG TRANG Những điều ghi chú về các đề nghị của những Hội-Đồng xét việc thải hồi thì biên vào trang 15.					

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng phái đoàn... tại đó Sĩ quan đã tông sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ 1	CẤP KẾ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3	CÔNG-VỤ THỜI-HẠN		
			được kê để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
		SỐ CHUYỂN ĐẾN...			
27.8.65 - Được tuyển được thăng cấp khuôn nuy / TB		do ND số 479/TM/ND ngày 27.8.65			
01.9.65 - Chuyển chuyển đến Trung đoàn 4 kỵ binh		Thời gian do LC số 4663/TM/TAT/BN/SA/B			
		ngày 09.10.65			
01.12.65 - Chuyển chuyển đến Chi đoàn 6/4 TĐV		do LC số 5785/TRĐ4KB/TC/QT ngày			
		30.11.65			
01.12.65 - Được giữ chức vụ chỉ huy trưởng, chỉ		đội yểm trợ do ND số 472/TRĐ4KB/TC/QT			
		ngày 15.3.66			
01.4.66 - Chi đoàn 6/4 TĐV được đổi danh hiệu		là chi đoàn 3/4 TĐV do SUNT số 1582/TM/P3			
		ngày 06.7.65 và BĐ số 9662/TM/P3			
		ngày 01.12.65 và BĐ số 225/TAB/NV			
		ngày 10.3.66			
		TỔNG SỐ CHUYỂN SANG.....			

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng phái đoàn. tại đó Sĩ quan đã từng sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ 1	CẤP KÊ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3	CÔNG-VU THỜI-HẠN		
			được kể để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
SỐ CHUYỂN ĐẾN...					
25.9.66 - Chuyển chuyển đến chi đoàn 2/4 TAV do LTC số 4534/TRĐ 4KB/QT ngày 23.9.66.					
27.2.67 - Thăng cấp Thiếu úy/TB/Thực thụ do ND số 091/TTM/ND ngày 14.3.67.					
06.3.67 - Chuyển chuyển (Tso-KS) đến Trường Thiết giáp do LTC số 916/TRĐ 4KB/QT ngày 15.3.67.					
24.4.67 - Chuyển chuyển đến Trung đoàn 1 kỵ binh/Thiết giáp (CD 2/4 TAV) do LTC số 1456/TTG/HCTV/NV ngày 24.4.67.					
01.5.67 - Được gởi chức vụ chi đoàn phó, chi đoàn 2/4 TAV do QĐ số 1733/TRĐ 4KB/QT ngày 09.5.67.					
02.6.67 - Chuyển chuyển (Tso-TBB) đến QYV/Nguyên Trì phòng do LTC số 2186/TRĐ 4KB/QT ngày 12.6.67.					
TỔNG SỐ CHUYỂN SANG.....					

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng phái đoàn... tại đó Sĩ quan đã tổng sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ	CẤP KẾ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3.	CÔNG-VỤ THỜI-HẠN		
			được kể để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
SỐ CHUYỂN ĐẾN...					
03.7.67 - Chuyển chuyển đến chi đoàn 2/4 TCV do lực số 119/QYU/NTP/NVA ngày 03.7.67.					
20.7.68 - Chi đoàn 2/4 TCV được đổi danh hiệu là chi đoàn 2/11 TCV và đặt vào thành phần tổ chức của Chiết đoàn 11 kỵ binh do SVUT số 2874/TTM/P312/K ngày 20.7.68.					
16.8.68 - Chi đoàn 2/11 TCV được đổi danh hiệu là chi đoàn 2/11 Chiết kỵ do SVUT số 3075/TTM/P312/K ngày 01.8.68.					
01.11.68 - Chuyển chuyển đến chi đoàn 11 EHTV do lực số 1556/THĐ11 KB/QT ngày 07.11.68.					
01.11.68 - Thăng cấp Trung úy / TB / Chiết - Khu do ND số 580/TTM/ND ngày 31.10.68.					
10.11.68 - Chuyển chuyển đến chi đoàn 1/11 Chiết kỵ do lực số 1610/THĐ11 KB/QT ngày 07.11.68.					
TỔNG SỐ CHUYỂN SANG.....					

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng/phái đoàn... tại đó Sĩ quan đã tổng sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ 1	CẤP KẾ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3	CÔNG-VỤ THỜI-HẠN		
			được kê để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
SỐ CHUYỂN ĐẾN...					
12.11.68 - Được giữ chức vụ XLTV chi đoàn Trưởng, chi đoàn 1/11 Thiết kỵ do LBN số 1586/THĐ11KB/QT ngày 13.11.68.					
10.5.69 - Chi đoàn 1/11 TK được đổi danh hiệu là chi đoàn 2/11 Thiết kỵ do SVVT số 2004/TTM/P312/K ngày 10.5.69 và Bản Định chỉnh số 2375/TTM/P312/K ngày 10.6.69.					
01.01.71 - Được giữ chức vụ 2. Chi đoàn Trưởng chi đoàn 2/11 TK do QA số 49/LĐIKB/P1 ngày 15.1.71.					
01.01.71 - Được cấp Đại úy/TB/Nhiệm chức do ND số 75/TTM/ND ngày 30.1.71.					
01.4.71 - Chuyển chuyển đến chi đoàn 3/11 Thiết kỵ do LC số 888/THĐ11KB/QT ngày 20.4.71.					
TỔNG SỐ CHUYỂN SANG.....					

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng,phái đoàn... tại đó Sĩ quan đã từng sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ	CẤP KÊ TIẾP	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2	CÔNG-VU THỜI-HẠN được kê để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
SỐ CHUYỂN ĐẾN...					
15.4.71	Được gửi	chiếu vụ chi đoàn Trưởng, chi đoàn 3/14	Thức kỷ do QĐ số 287/LĐKB/P1 ngày 21.4.71		
01.10.71	Chăng cấp Đại uý	/NB/Thức Thụ do NĐ số 846/TM/NĐ	ngày 08.10.71 của Bộ TM.		
KBC. 6319	ngày	tháng	năm 19		
	Trung Tá PHẠM XUÂN TRIỂN Chỉ huy trưởng Trung tâm Hồ Sơ Cá Nhân				
	3.73:- Được cấp phát am số CNQS chính 221.0 do LPL số 0682/THDIKB/QT ngày 15 3.73 của Thiet-Doan 11 vky-Binh.				

CHỈ RÕ Các binh đoàn, trưởng/phái đoàn... tại đó Sĩ quan đã tông sự Phương-vị và địa-vị trong khi tại ngũ 1	CẤP KẾ TIẾP 2	NGÀY tháng, năm đối chiếu với mỗi điều ghi ở cột 1 và cột 2 3	CÔNG-VỤ THỜI-HẠN		
			được kể để tính thời kỳ hưu trí		
			năm	tháng	ngày
	SỐ CHUYỂN ĐẾN...				
24-06-74:	Dược Chi "Đầu tiên" như được v.				
	Chi "lưu Hân cư T thiết đoan 11				
	Ký Bình do NĐ số 0941/TTHD 11				
	KB/OT ngày 24-6-74 của Thiết				
	doan 11 Ký Bình -				
30-6-74:	Thống cấp Thiệu tá/Nhiệm ch				
	do NĐ số 551/TTM/NĐ ngày 15-7				
	của Bộ Tổng Tham mưu/QĐ UNC				
		TỔNG SỐ CHUYỂN SANG.....			

THƯƠNG - TÍCH

(Ngày, tháng, năm, nơi, tính-chất và duyên-cớ)

1 - Thương-tích :

2 - Thương-tích bị trong khi thừa-hành công-vụ :

ADB/60 QĐ số 04/TRĐ4KBIG/QT ngày 08.12.65
ADB/0.Đoàn CL số 141/VICT/TQT/CP ngày 28.11.
CTBT, QĐ số 021/TRĐ4KBIG/QT ngày 29.7.67
ADB/0.Đội CL số 346/TTM/CL ngày 29.12.67.
ADB/0.Đoàn CL số 40/VICT/TQT ngày 8.4.68.
ADB/0.Đội CL số 343/TTM/CL ngày 01.7.68.
ADB/0.Đội CL số 604/TTM/CL ngày 30.11.68.
CPBT/5 QĐ số 84/VICT/TQT/CP2 ngày 25.11.69
QVBT/5 QĐ số 77/VICT/TQT/CP2 ngày 10.11.69.
ADB/SD CL số 98/SĐI/TQT/CP ngày 27.5.71.
ADB/SD CL số 222/SĐI/TQT ngày 30.9.71.
ADB/0.Đoàn CL số 109/QĐI: OKI/TQT ngày 19.10.71.
ADB/0.Đoàn 125/QĐI: OKI/CL ngày 26.11.71.
CTBT QĐ số 001/THĐIINKB/QT ngày 24.6.1972.
CPBT/4 QĐ số 688/THĐIINKB/QT ngày 15.2.73.
QVBT/4 QĐ số 687/THĐIINKB/QT ngày 15.2.73.
DD BT/Hàng 1 do QĐ số 207/TTM/TQT/CP ngày 08-5-74
BTTL/LĐ. CL số 001/THĐIINKB/QT. Ngày 15.01.75..

Ngày 28 tháng 6 năm 1993
TRƯỞNG PHÒNG

Ng - Thanh Ngai 3

VIET-NAM CONG-HOA

Tinh Chuá-Miền

Quán Thị-Nội

Phường Thuận-Cát

Số 6

TRÍCH - LỤC

chứng-thư hôn-thú

Tên-họ người chồng NGUYỄN-THANH-NGÀI

Nghề nghiệp Học-sinh

Sanh ngày 25 tháng 05 năm 1945

Tại Dương-Lộc Triệu-Phong Quảng-trị

Cơ sở tại Dương-Lộc Triệu-Phong Quảng-Trị

Tạm trú tại Dương-Lộc Triệu-Phong, Quảng-Trị

Tên họ cha chồng Nguyễn-Ôn (s)

Tên họ mẹ chồng Dương-Thị-Hà (c)

Tên họ người vợ Huyh-Thị-Gái

Nghề nghiệp Học-sinh

Sanh ngày 01 tháng 01 năm 1945

Tại 24 Cường-Đế Thuận-Cát Huế

Cơ sở tại 24 Cường-Đế Thuận-Cát Huế

Tạm trú tại 24 Cường-Đế Thuận-Cát Huế

Tên họ cha vợ Huyh-Mỹ (s)

Tên họ Mẹ vợ Trần-Thị-Nhan (s)

Ngày cưới ngày Hai mươi sáu tháng mười một năm

một ngàn chín trăm sáu mươi ba

Vợ chồng có khai hay không lập hôn khế

ngày tháng năm

PHUNG TR

Huế, ngày 15 tháng 6 năm 1973.

Phường-Trưởng Kiểm-Hồ-Lưu

Phường Thuận-Hoà,

Thuận-Cát

Trích y bản chính

ngày tháng năm 19

26 Viên chức 11 hộ tịch 63

Trưởng Văn Hạm

HUYNH-TĂNG-SINH

SÁCH TỰ LIỆU CỐC

TU CỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ

Ngày 28 tháng 6 năm 1973

TZ CỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ

TRƯỞNG PHÒNG

CHỖ ĐÓNG CHỮ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH Quảng Trị
QUẬN Hải Lăng
XÃ Hải Trí

Bản Trick Lục
BỘ KHAI SINH
Năm 1971

56 hiệu 332

Tên họ đủ nhì Nguyễn Thành Lộc

Phái Nam

Sinh mới ba tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
ngày tháng năm

(13/03/1971)

Trị Thành Hải Trí Hải Lăng Quảng Trị

Cha Nguyễn Thành Hải

Nghề quân nhân

Cư trú tại KDC 3710

Mẹ Huỳnh Thị Gấm

Nghề Nội trợ

Cư trú tại Thành phố Hải Trí Hải Lăng Quảng Trị

Vợ Chánh

CHỨNG THỰC

Chữ ký và khuôn dấu của Ông
Ủy Viên Hộ Tịch Xã Hải Trí

Hải Lăng ngày 13 tháng 4 năm 1971

TUN. TỈNH TRƯỞNG.

KT QUẬN TRƯỞNG.

PHỤ VIÊN TRƯỞNG.



Trích y bản chính

Hải Trí ngày 12 tháng 4 năm 1971

ỦY VIÊN HỘ TỊCH XÃ



BUI-HUU-LAC
Ủy viên Hộ Tịch

SAO Y TÀI LIỆU GỐC
TỦ CỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ

Ngày 21 tháng 2 năm 1993



ĐẠI ÚY: Đàm Văn Huệ

Nguyễn Thanh Ngai? (4)

Số hiệu

62

RECEIVED

Tên họ đủ cả	Nguyễn-Thanh-Ngài
Phái	Nam
Sinh	Hai-mười-hai tháng-Tu năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (22-4-1967)
Tên	Phước-Thuân-Cát-Thanh-Nội-Huê
Cha	Nguyễn-Thanh-Ngài
Tuổi	Hai-mười-hai tuổi
Nghề	Quân-Nhân
Cư trú tại	K.B.C. 4. 342
Mẹ	Huyền-Thị-Cứu
Tuổi	Hai-mười-bốn tuổi
Nghề	Nội-Trí
Cư trú tại	24 Cường-Bổ-Huê
Vợ	Chánh
Người khai	Nguyễn-Thanh-Ngài
Tuổi	Hai-mười-hai tuổi
Nghề	Quân-Nhân
Cư trú tại	K.B.C. 4. 342
Ngày khai	Hai tháng-Tu năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (20-4-1967)
Người chứng thực	Phước-Quảng
Tuổi	Hai-mười-bảy tuổi
Nghề	Quân-Nhân
Cư trú tại	K.B.C. 4. 347
Người chứng thực	Hoàng-Dĩnh-Châu
Tuổi	Hai-mười tuổi
Nghề	Học-Ninh
Cư trú tại	24 Cường-Bổ-Huê

PHÒNG TRƯỞNG CỤC

Hôm nay 23 tháng 7 năm 1967

Lập tại

Người khai

Nguyễn-Thanh-Ngài



LÊ-NGHĨ

I/Phước-Quảng

2/Hoàng-Dĩnh-Châu

SẤY TÀI LIỆU GỐC

TỦ CỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ

Ngày 21 tháng 9 năm 1965

TL CỤC TRƯỞNG 127

P. TRƯỞNG PHÒNG



1967

Số hiệu 715

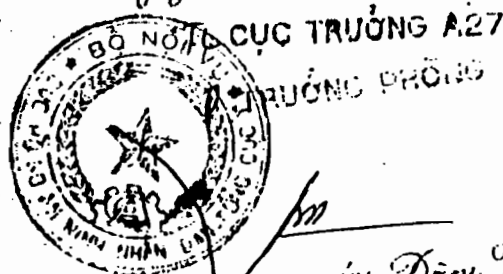
Họ và tên đầu nhĩ:	NGUYỄN-THỊ-THUYO-HẠNH
Phối:	Nữ
Sinh:	Ngày hai mươi tám, tháng ba, năm một ngàn
Ngày, tháng, năm	chín trăm sáu mươi chín (28.3.1969)
Tại:	Phường Thuận-Oát, Quận-Nhất, Huế
Cho:	NGUYỄN-THANH-NGÀI
Họ và tên	
Tuổi:	Hai mươi bốn tuổi (24 tuổi)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.239
Mẹ:	HUYỀN-THỊ-GAI
Họ và tên	
Tuổi:	Hai mươi lăm tuổi (25 tuổi)
Nghề nghiệp:	Nội-trợ
Cư trú tại:	Phường Thuận-Oát, Quận-Nhất, Huế
Vợ	Chánh
Chánh hay thư	
Người khai:	NGUYỄN-THANH-NGÀI
Họ và tên	
Tuổi:	Hai mươi bốn tuổi (24 tuổi)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.239
Ngày khai:	Mồng một tháng tư năm một ngàn chín trăm
s	sáu mươi chín (01.4.1969)
Người chứng thư nhất:	MAI-TỰ-CƯỜNG
Họ và tên	
Tuổi:	Hai mươi tám tuổi (28 tuổi)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.239
Người chứng thư nhì:	GIA - KHA
Họ và tên	
Tuổi:	Ba mươi hai tuổi (32 tuổi)
Nghề nghiệp:	Quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.239

Làm tại Quận-Nhất, Huế ngày 01. tháng 4 năm 1969

Người khai: NGUYỄN-THANH-NGÀI

Nhân chứng,
MAI-TỰ-CƯỜNG (Ký tên)
GIA - KHA -nt-

SAO Y TÀI LIỆU GỐC
TỦ CỤC CHỦ SỰ LƯU TRỮ
Ngày 21 tháng 9 năm 1973



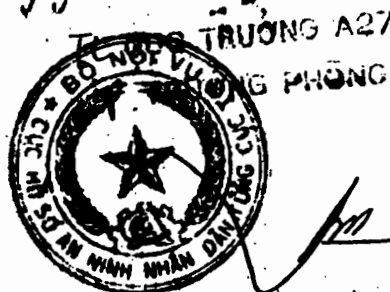
ĐẠI ÚY: Đàm Văn Tuấn

Tên họ su nhl NGUYỄN-THỊ-THỤC-NỮ
 Phái Nữ
 Sinh Ngày Hai Mươi Chín, Tháng Chín, Năm Một Ngàn
 (Ngày, tháng, năm) Chín Trăm Bảy Mươi Hai (29.9.1972)
 Tại Phường Thuận-Cát, Khu-phố Thuận-Hòa, Quận I Huế.
 Cha NGUYỄN-THANH-NGÀI
 (Tên họ)
 Tuổi 27 tuổi
 Nghề Quản-nhân
 Cư trú tại KBC. 3.710
 Mẹ HUYỀN-THỊ-CÁI
 (Tên họ)
 Tuổi 29 tuổi
 Nghề Nội-trí
 Cư trú tại Phường Thuận-Cát, Khu-phố Thuận-Hòa Q.I. Huế.
 Vợ Chánh
 (Chức hay thợ)
 Người khai NGUYỄN-THANH-NGÀI
 (Tên họ)
 Tuổi 27 tuổi
 Nghề Quản-nhân
 Cư trú tại KBC. 3.710
 Ngày khai Ngày Sáu, Tháng Mười, Năm Một Ngàn Chín
Trăm Bảy Mươi Hai (06.10.1972)
 Người chứng thứ nhất HUYỀN-VAN-MỸ
 (Tên họ)
 Tuổi 67 tuổi
 Nghề Điêng-Lão
 Cư trú tại Phường Thuận-Cát, Khu-phố Thuận-Hòa, Huế
 Người chứng thứ nhì NGUYỄN - SOA
 (Tên họ)
 Tuổi 39 tuổi
 Nghề Quản-nhân
 Cư trú tại KBC. 4.607

Người khai, Làm tại Thuận-Hòa ngày 06 tháng 10 năm 1972
 Nhân chứng,

Huê, ngày 08 tháng 10 năm 1972
NGUYỄN-THANH-NGÀI Tích Kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch Khu-Phố Thuận-Hòa
 1. HUYỀN-VAN-MỸ
 2. NGUYỄN - SOA

SAO Y TÀI LIỆU GỐC
 TỦ CỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ
 Ngày 21 tháng 2 năm 1993



ĐẠI ÚY: Đàm Văn Cường



LÊ-VĂN-TRẦN

Quận: Đông Nai
 Huyện: Xuân Lộc
 Xã: Xuân Hưng
 Ấp: 03
 TĐ: 16

Cộng-Hoa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt-Nam
 Độc Lập Tự Do Hạnh phúc

STT	HỌ VÀ TÊN	Tuổi	Quan hệ	Nam	Nữ	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Họ	Đo	Xã	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Gái	1943	Chủ hộ		X	Vinh	Thiên chúa	Quảng Trị	3	1	20	
2	Nguyễn Thị Thủy Tiên	1965	con		X	"	"					
3	Ng' Thanh Ngilân	1970	"	X		"	"					
4	Ng' Thị Thục Hằng	1971	"		X	"	"					
5	Ng' Thanh Đức	1972	"	X		"	"					
6	Ng' Thị Thục Nữ	1974	"		X	"	"					
7	Ng' Hồng Giang	1975	"	X		"	"					

C.A. 12/1/1984
 Quyết 06/1984
 (Mười)
 Hào Văn Bình
 20/1/84

Chủ hộ
 Huỳnh Thị Gái

TĐ. Trưởng TĐ 16
 (Signature)
 Võ Việt Tiên

UBND ấp 3
 TB.
 (Signature)
 Phạm Gia

Xuân Hưng ngày 02-5-1984
 TM-UBND xã Xuân Hưng
 (Stamp)
 Trần Văn Hùng

SỐ MUA HÀNG

CHỦ HỘ : HUYNH THI GAI

TĐSX 16

Ấp 3

SỐ NHÂN KHẨU : 7

NỮ 4

NAM 3

Ngày 9 Tháng 5 năm 1981

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI
Huyện XUÂN LỘC
Xã XUÂN HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI
Độc lập - Tự

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
do Đảng lãnh đạo

ẤP 3
TỔ 16
SỐ NHÀ 2930

SỔ QUẢN LÝ TỔNG HỢP

CHU HỌ

SỐ NGƯỜI SỐ NHÂN KHẨU

BẢNG

Nguyễn Thanh Nga

3

5

NAM

3

NỮ

Chữ họ
ký tên

TM. Tổ Đoàn kết SX
ký tên

Như

Võ Việt Tiến

TM. Ban Sản xuất Ấp 3 Xuân Hưng
TRƯỞNG BAN

Vs arar

Nguyễn Thanh Nga

DUYỆT

Xuân Hưng, ngày 02 tháng 10 năm 1997

TM. Ủy ban Nhân dân Xã

Tổ CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số : _____

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn Thanh Ngai

Số nhà : _____ Ngõ (hẻm) : Độc 16

Đường phố : HP II Đồn CAND : Xuân Hưng

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh : Xuân Lộc

Tỉnh, thành phố : Đồng Nai

Ngày 30 tháng 4 năm 1989

Trưởng công an _____
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Trần Duy Quý
TRẦN DUY QUÝ

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____

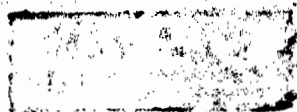
Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

2. 7. 4. 7. 7. 7. 7.

Phạm, Nguyễn Thanh Nga
Ấp 3 Xuân Hưng, Xuân Lộc
Đồng Nai - Việt Nam

IV # 255689.



To : Bã KHUẾ MINH THƠ

FALLS CHURCH

VA

USA

76 - 386